

Bản án số: 710/2020/DS-PT

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán:

Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4101/2020/QĐPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn A, sinh năm 1957, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 25 ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Văn T – Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Hoàng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Bùi Văn P, sinh năm 1970, có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Út R, sinh năm 1972, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 149, tổ 1, ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 149, tổ 1, ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

3.3. Ông Bùi Quang X, sinh năm 1984.

3.4. Ông Bùi Minh S, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp Tân Quới Đ, xã Trường A, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mỹ, bà Hạnh, ông Xuyên, ông Suốt: Ông Bùi Văn A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ 25 ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Ông Ngô Hoàng H, sinh năm 1982, vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khóm Đông Bình, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Phòng Công chứng Thiên L, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 2876 tổ 4, khóm 5, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu Chi nhánh Cần Thơ Phòng giao dịch T.

Địa chỉ: 41 – 41B – 41C đường 30/4, phường An L, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.9. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo: Ông Bùi Văn A là nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 của nguyên đơn ông Bùi Văn A và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trước đây ông P khởi kiện bà Bảnh về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 58/2009/DS-PT ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử buộc bà Bảnh trả giá trị đất cho ông P. Sau khi án có hiệu lực, do bà Bảnh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Cơ quan thi hành án huyện Bình Minh kê biên quyền sử dụng đất và Trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long đã thông báo niêm yết bán đấu giá tài sản của bà Bảnh là quyền sử dụng đất, bà R đã đấu giá mua diện tích 606,4m² đất của bà Bảnh. Sau đó bà R chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà Bé, phần đất còn lại bà R đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 153 diện tích 13,5m² đất và thửa 155 diện tích 446,9 m² đất.

Ngày 29/02/2012 Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 127/2012/DS-GĐT hủy bản án dân sự phúc thẩm số 58/2009/DS-PT ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và bản án dân sự sơ thẩm số 20/2008/DSST ngày 20/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Bình Minh giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Bình Minh xét xử lại. Do đó, quyền sử dụng đất của bà R do mua của Trung Tâm đấu giá tỉnh Vĩnh Long không còn hiệu lực. Khi Tòa án nhân dân huyện Bình Minh thụ lý giải quyết lại vụ án và xét xử sơ thẩm ngày

05/9/2014 thì ngày 09/10/2015 bà R và ông P chuyển nhượng thửa đất 155 cho Ngô Hoàng H nhằm tẩu tán tài sản.

Vì vậy, nguyên đơn ông A khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H đối với số thửa 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446,9m² lập ngày 09/10/2015 tại Văn phòng công chứng Thiên L; yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà R với ông H và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177 tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4m² loại đất trồng cây lâu năm. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R trình bày:* Khi cơ quan Thi hành án huyện Bình Minh kê biên tài sản là quyền sử dụng đất của bà Bảnh để thi hành án, Trung Tâm đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long đã thông báo niêm yết bán đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất của bà Bảnh.

Bà R đã trúng đấu giá mua đất hợp pháp từ Trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Vĩnh Long với số tiền 175.200.000đ, sau khi hoàn tất thủ tục mua tài sản bán đấu giá, ngày 26/4/2011 bà Nguyễn Thị Út R được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thửa số 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446,9m². Đến ngày 09/10/2015 bà Nguyễn Thị Út R và ông Bùi Văn P thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 155 cho ông Ngô Hoàng H với giá 350.000.000đ tại phòng Công chứng Thiên L. Ngày 01/8/2016 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4m² loại đất trồng cây lâu năm cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ông P và bà R không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

- *Tại bản khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng H và bà Nguyễn Thị Tiên trình bày:* Ông H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà R, ông P là hợp pháp, ông H đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ngày 01/8/2016 Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4m² loại đất trồng cây lâu năm cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện tại ông H đã thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Cần Thơ. Ông H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch T có ông Nguyễn Văn L là đại diện theo ủy quyền trình bày:* Phía Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 549110 ngày 01/8/2016 do ông Ngô Hoàng H đứng tên đang thế chấp tại Ngân hàng Á Châu.

- Tại bản khai ngày 05/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Thiên L nay là Văn phòng Công chứng Phan Ngọc K trình bày: Việc yêu cầu công chứng giữa ông P, bà R và ông H là đúng quy định của pháp luật.

Tại công văn ngày 21/12/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông H thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4m² loại đất trồng cây lâu năm cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long là đúng quy định của pháp luật. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long yêu cầu vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DSST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 26 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 138, 668, 689 và Điều 697 Bộ luật dân sự 2005; Điều 179 và 188 Luật Đất đai năm 2013; Luật Công chứng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn A có ông Phùng Quang Thuận đại diện theo ủy quyền về việc:

Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H đối với số thửa 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446,9m² được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Út R vào ngày 26/4/2011;

Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 09/10/2015 tại Văn phòng công chứng Thiên L giữa ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H đối với số thửa 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446,9m² tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4 m² loại đất trồng cây lâu năm. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí khảo sát, đo đạc; về miễn án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/6/2020 nguyên đơn ông Bùi Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn ông Bùi Văn A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án giải quyết vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H lập ngày 09/10/2015 tại Văn phòng công chứng Thiên L và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 176,

tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4 m² loại đất trồng cây lâu năm. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn ông P yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn đúng hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Do bị đơn bà Út R và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng bà R có được quyền sử dụng thửa đất 155 thông qua bán đấu giá tài sản, kết quả đấu giá tài sản không bị khiếu nại. Do đó bà R được cấp quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất, bà R chuyển nhượng cho ông H là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn A làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Út R và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446, 9m², tọa lạc tại ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị Út R mua từ việc bán đấu giá của Chi cục Thi hành án thị xã Bình Minh và Trung tâm bán đấu giá của tỉnh Vĩnh Long. Sau khi bà R trúng đấu giá và kết quả đấu giá không bị khiếu nại, bà R đã thực hiện đầy đủ thủ tục mua tài sản đấu giá nên Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà R ngày 26/4/2011 là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Sau khi bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 09/10/2015 vợ chồng bà R, ông P thảo thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Hoàng H. Hai bên có lập thành văn bản và được chứng thực tại phòng Công chứng Thiên L, thị xã Bình Minh. Ngày 26/10/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bình Minh chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, nội dung chứng nhận việc chuyển nhượng cho ông Ngô Hoàng H sinh năm 1982. Ngày 17/5/2016 ông Ngô Hoàng H có đơn xin chuyển mục đích sử dụng gửi Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh phân

đất 238,5m² để sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn và ngày 27/5/2016 ông H có đơn đề nghị tách thửa gửi Sở tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long. Ngày 28/6/2016 Ủy ban nhân dân thị xã Bình Minh quyết định cho ông H chuyển mục đích sử dụng đất đối với thửa 155 diện tích đất 238,5m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn. Do đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H thửa đất 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở nông thôn và thửa 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208,4m², loại đất trồng cây lâu năm vào ngày 01/8/2016 là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông P, bà R với ông H và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Ngô Hoàng H là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Bùi Văn A là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá; Về miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn A. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 26 và Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 138, 668, 689 và Điều 697 Bộ luật dân sự 2005; Điều 179 và 188 Luật Đất đai năm 2013; Luật Công chứng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn A: Yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 38, diện tích 446,9m² được Ủy ban nhân dân huyện Bình Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Út R vào ngày 26/4/2011; Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 09/10/2015 tại Văn phòng công chứng Thiên L giữa ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị Út R với ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 38,

diện tích 446,9m² tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Hoàng H đối với thửa đất số 176, tờ bản đồ số 38, diện tích 238,5m² loại đất ở tại nông thôn và thửa đất số 177, tờ bản đồ số 38, diện tích 208.4 m² loại đất trồng cây lâu năm. Hai thửa đất cùng tọa lạc ấp Đông L, xã Đông B, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn A được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá; về miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng